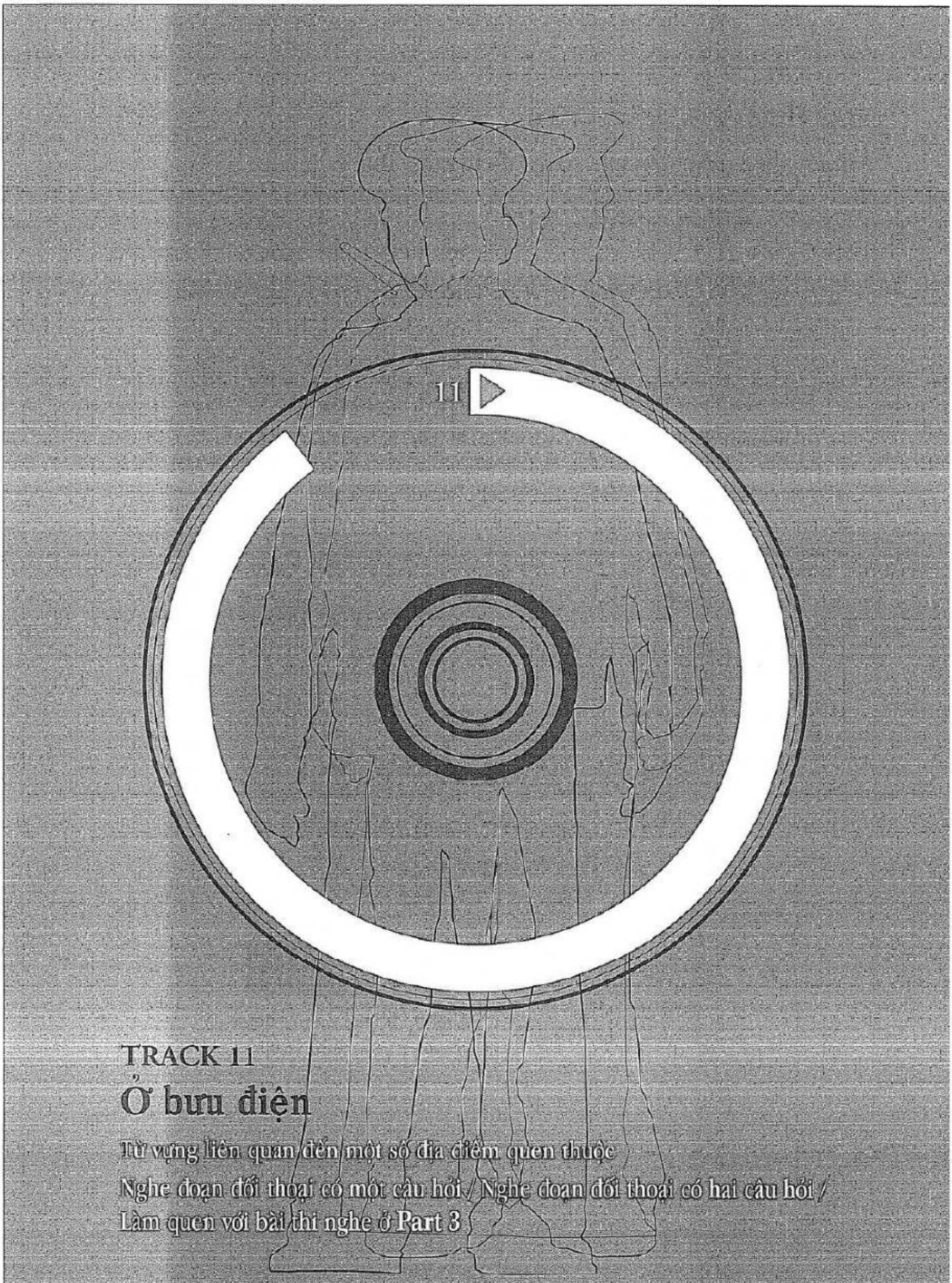


TRACK 11

Ở bưu điện

Từ vựng liên quan đến một số địa điểm quen thuộc

Nghe đoạn đối thoại có một câu hỏi / Nghe đoạn đối thoại có hai câu hỏi /

Làm quen với bài thi nghe ở Part 3

LIVEWORKSHEETS

STEP 01 Nghe từ vựng và đoạn đối thoại

Từ vựng liên quan đến một số địa điểm quen thuộc

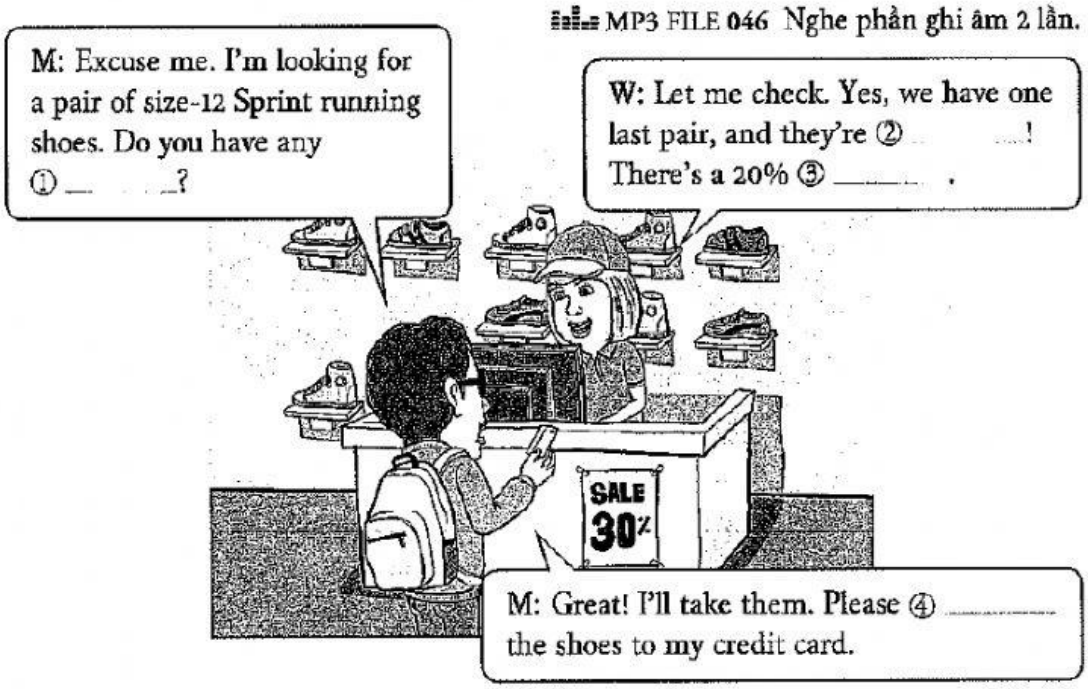
01 Cửa hàng (1)

MP3 FILE 045 Nghe và học thuộc lòng.

discount [dískaunt]
stock [stɑ:k, stɔk]
cashier [kæʃír]
outlet [áutlet]
clerk [klə:rk, klɑ:k]
charge [tʃɑ:rdʒ]
free of charge
shelf [ʃelf]

Từ **discount** chỉ việc giảm giá so với giá chính thức, từ **on sale** chỉ việc bán hàng với mức giá thấp hơn giá thông thường trong khoảng thời gian nhất định. Từ **stock** có nghĩa là *hàng hóa trong kho*, thường được dùng kèm với **in** và **out of** tạo thành các cụm từ **in stock** *(có hàng)*, **out of stock** *(hết hàng)*. Từ **cashier** có nghĩa là *nhân viên thu ngân* (xuất phát từ từ **cash** có nghĩa là *tiền mặt*).

MP3 FILE 046 Nghe phần ghi âm 2 lần.



pair [per]
credit card

① in stock
② on sale
③ discount
④ charge

www.nhantriviet.com
LIVEWORKSHEETS

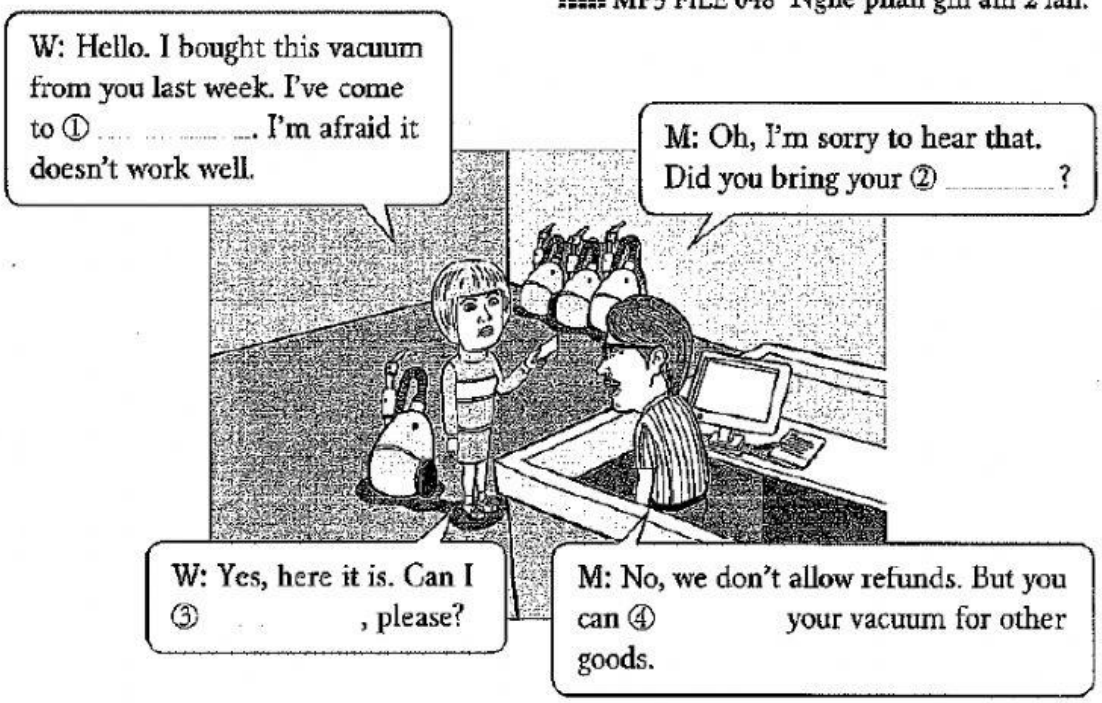
02 Cửa hàng (2)

MP3 FILE 047 Nghe và học thuộc lòng.

goods [gudz]	**refund** [rí:fʌnd]
item [áitəm]	**get a refund**
return [ritə́:rn]	**receipt** [risí:t]
exchange [ikstʃéindʒ]	**allow** [əláu]

Khi không hài lòng với hàng hóa (**goods**) hoặc món hàng (**item**) nào đó, khách hàng có thể đổi (**exchange**) hoặc trả lại (**return**) trong thời gian quy định với điều kiện họ còn giữ hóa đơn mua hàng (**receipt**). Khi trả hàng, họ sẽ được hoàn lại tiền (**refund**). Chú ý cách phát âm từ **receipt**, âm p trong từ này là âm câm.

MP3 FILE 048 Nghe phần ghi âm 2 lần.



vacuum [vǽkjuəm] work [wə:rk]

① return the item
② receipt
③ get a refund
④ exchange

LIVEWORKSHEETS

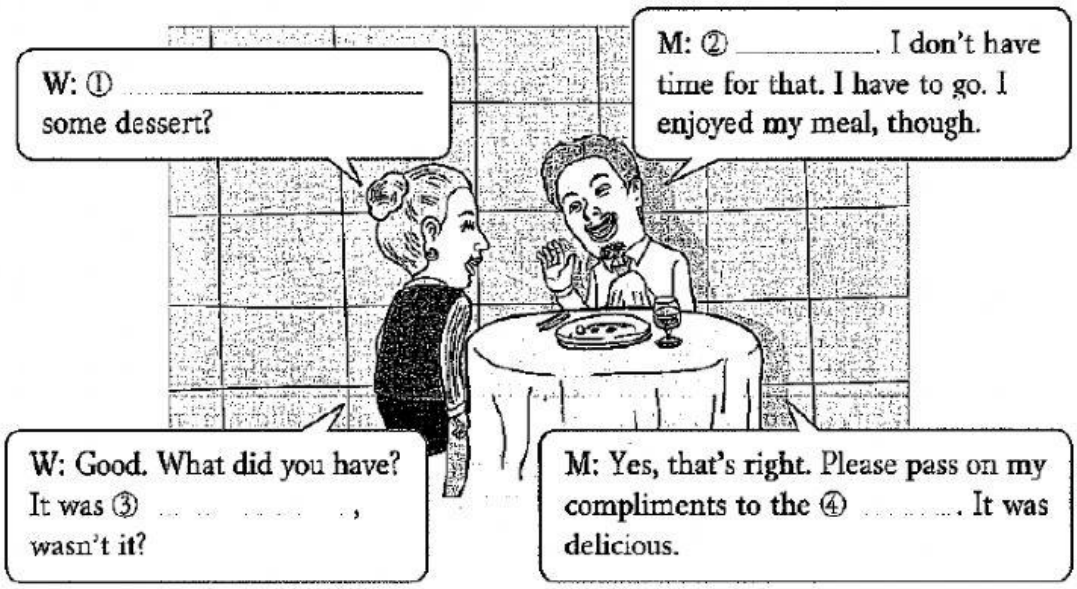
03 Nhà hàng, quán ăn

MP3 FILE 049 Nghe và học thuộc lòng.

meal [mi:l]
dessert [dizə́:rt]
order [ɔ́:rdər]
take an order
today's special
chef [ʃef]
appetizer [ǽpitaizər]
full [ful]

Khi nghe cụm từ **have a meal** *(dùng bữa)*, **go out for a meal** *(đi ăn quán)*, bạn có thể đoán được rằng nội dung của đoạn đối thoại có liên quan đến việc ăn uống ở nhà hàng, quán ăn. Thực khách có thể dùng câu **What do you recommend for...?** khi muốn nhờ nhân viên phục vụ giới thiệu các món ăn; nhân viên phục vụ có thể dùng những câu như **Would you like to...?** hoặc **How / What about...?** để gợi ý các món ăn, giúp thực khách chọn món. Lưu ý là ngoài từ **restaurant** *(nhà hàng)*, bạn còn có thể nghe những từ như **diner** *(quán ăn bình dân)*, **cafeteria** *(quán ăn tự phục vụ)*, **cafe** *(quán bán thức uống và thức ăn nhẹ)*...

MP3 FILE 050 Nghe phần ghi âm 2 lần.



though [ðou] **pass on** **compliment** [kɑ́:mpləmənt]

① Would you like to order
② No, thanks
③ today's special
④ chef

www.nhantriviet.com
LIVEWORKSHEETS

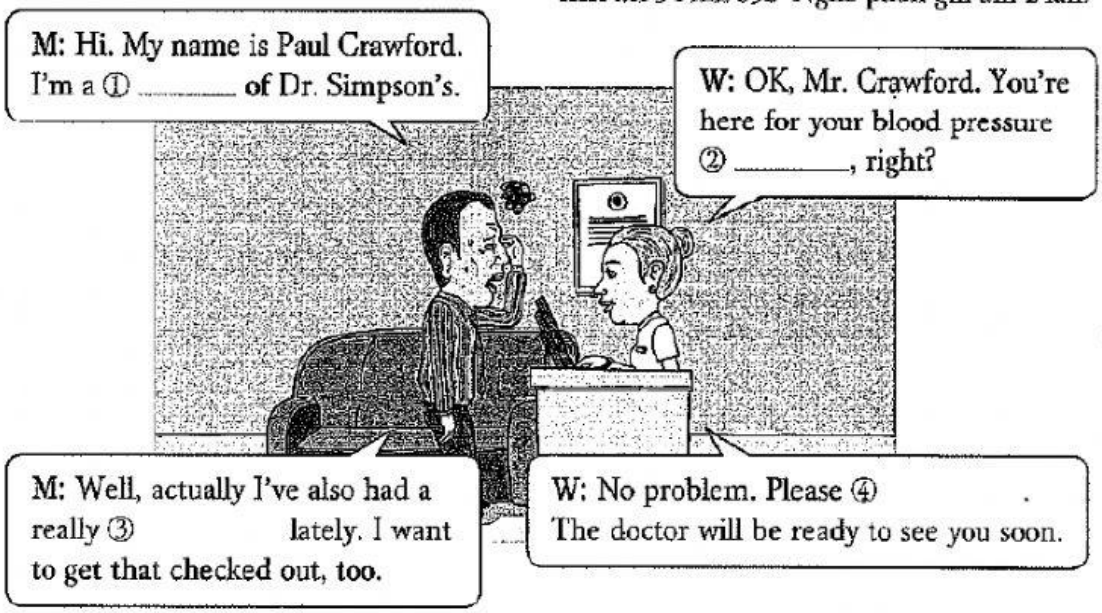
04 Những nơi khác

MP3 FILE 051 Nghe và học thuộc lòng.

checkup [tʃékʌp]	**post office**
headache [hédeik]	**parcel** [pɑ́ːrsəl]
dentist [déntist]	**postage** [póustidʒ, pɔ́ustidʒ]
patient [péiʃənt]	**stamp** [stæmp]
see a doctor	**zip code**

Đoạn đối thoại liên quan đến bệnh viện thường có những từ như **checkup** *(kiểm tra)*, **patient** *(bệnh nhân)*, **doctor** *(bác sĩ)*... Để diễn tả ý *Tôi cảm thấy không khỏe*, người bệnh có thể nói I'm **not feeling well**. Lưu ý là đối với những từ như **headache** *(đau đầu)*, **toothache** *(đau răng)*, **stomachache** *(đau dạ dày)*, **ch** được phát âm thành [k]. Các từ **postage** *(bưu phí)*, **stamp** *(con tem)*, **zip code** *(mã thư tín)*... thường xuất hiện trong đoạn đối thoại liên quan đến bưu điện (post office).

MP3 FILE 052 Nghe phần ghi âm 2 lần.



blood pressure **lately** [léitli] **take a seat** **be ready to do**

① patient
② checkup
③ bad headache
④ take a seat

LIVEWORKSHEETS

STEP 02 Thực hành

01 Nghe đoạn đối thoại có một câu hỏi

MP3 FILE 053 Đọc câu hỏi và các đáp án, sau đó nghe phần ghi âm và chọn đáp án đúng.

01 **Why** will the **man leave early**?

(A) He has a doctor's appointment.
(B) He has to attend a meeting.
(C) He has to see a customer.
(D) He is not feeling well.

02 **Who** is the **woman**?

(A) A store clerk
(B) A writer
(C) A repairperson
(D) A publisher

03 **What** will the **man do next**?

(A) Make copies of the papers
(B) Mail the packages
(C) Help the customers
(D) Go get some more paper

04 **Where** does this **conversation** probably take place?

(A) At an office
(B) At a restaurant
(C) At a supermarket
(D) At a department store

05 **What** is the **man doing**?

(A) Using a sales coupon
(B) Buying construction materials
(C) Opening a new supply store
(D) Selling some wood

▶▶ Đáp án: trang 290

www.nhantriviet.com
LIVEWORKSHEETS

STEP 02 Thực hành

02 Nghe đoạn đối thoại có hai câu hỏi

MP3 FILE 054 Đọc câu hỏi và các đáp án, sau đó nghe phần ghi âm và chọn đáp án đúng.

01-02

01 Who most likely is the man?

(A) A salesperson
(B) A bank teller
(C) A waiter
(D) A cashier

02 What does the woman want to do?

(A) Order a dessert
(B) Pay for her meal
(C) Shop for groceries
(D) Bake a cake

03-04

03 Why does the man want to exchange the shoes?

(A) They are the wrong size.
(B) He wants a gray pair instead.
(C) The style is too old-fashioned.
(D) He wants a cheaper pair.

04 What will the woman do next?

(A) Give the man a gift
(B) Order the other shoes
(C) Try on some shoes
(D) Find the shoes for the man

05-06

05 Where does this conversation probably take place?

(A) In a coffee shop
(B) At a bookstore
(C) In an airport
(D) At a travel agency

06 Why does the man need the woman's phone number?

(A) To notify her when the book arrives
(B) To inform her of a special sale
(C) To talk to her about a newspaper article
(D) To call her about writing a book

▶▶ Đáp án: trang 290

LIVEWORKSHEETS

STEP 02 Thực hành

03 Làm quen với bài thi nghe ở Part 3

MP3 FILE 055 Đọc câu hỏi và các đáp án, sau đó nghe phần ghi âm và chọn đáp án đúng. Mỗi đoạn đối thoại có ba câu hỏi.

01-03

01 Who is the man?

(A) A repairperson
(B) An office worker
(C) A photographer
(D) A salesperson

02 What does the woman think of the Laser X2?

(A) It is very popular.
(B) It is too expensive for her.
(C) It is the best value.
(D) It does not have enough features.

03 What does the man say about the Print-Plus 7?

(A) It is out of stock.
(B) Most stores do not sell it.
(C) Many customers have bought it.
(D) It is on sale for $275.

04-06

04 Where most likely are the speakers?

(A) In a kitchen
(B) At the office
(C) At a restaurant
(D) At the woman's home

05 What does the man suggest?

(A) Choosing a dish from the menu
(B) Walking to the Chinese restaurant
(C) Waiting until later
(D) Calling for a delivery

06 Why does the woman suggest the Mexican restaurant?

(A) It is her favorite restaurant.
(B) She does not like the Chinese restaurant.
(C) She wants to try a new restaurant.
(D) It is closer than the Chinese restaurant.

www.nhantriviet.com
LIVEWORKSHEETS

07-09

07 Where most likely does this conversation take place?

(A) At a moving firm
(B) At a post office
(C) At a bank
(D) At a publisher's

08 What does the woman pay for?

(A) A special stamp
(B) The packaging cost
(C) An overnight delivery charge
(D) The postal fee

09 What most likely will the woman do next?

(A) Fill in the missing information on the parcel
(B) Wait while the man completes the paperwork
(C) Drop the package in the mailbox
(D) Submit payment to the cashier

10-12

10 What is the main purpose of the woman's call?

(A) To inquire about the availability of a product
(B) To ask about the status of an incoming shipment
(C) To complain about an item she has purchased
(D) To request a component for her equipment

11 When is the delivery due to arrive?

(A) This morning
(B) Lunchtime
(C) This afternoon
(D) This evening

12 What does the woman ask the man to do?

(A) Put an item aside for her
(B) Give her a discount
(C) Deliver a product to her
(D) Order goods from the warehouse

▸▸ Đáp án: trang 290

LIVEWORKSHEETS